

CHƯƠNG TRÌNH

**thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư
Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về một số chủ trương,
chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất
lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế**

Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01 tháng 11 tháng 2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế (gọi tắt là Nghị quyết 05-NQ/TW); Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình thực hiện, cụ thể như sau:

I- Mục đích, yêu cầu

1- Mục đích

Triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TW, nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2015 - 2020. Xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần tập trung chỉ đạo, bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả định hướng, mục tiêu và các chủ trương, chính sách lớn của Nghị quyết.

2- Yêu cầu

Gắn triển khai Nghị quyết 05-NQ/TW với thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV; bảo đảm thống nhất trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu quản lý và thực tiễn của địa phương.

II- Quan điểm, mục tiêu

1- Quan điểm

- Đổi mới mô hình tăng trưởng để nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát triển bền vững toàn diện cả về kinh tế - xã hội và môi trường; không thúc đẩy tăng trưởng bằng mọi giá. Thúc đẩy cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp, thương mại - dịch vụ, ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ sản xuất, nông nghiệp. Huy động, sử dụng tốt mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tiến bộ, công bằng xã hội, giữ gìn môi trường sinh thái.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chú trọng các nhân tố thúc đẩy tăng năng suất lao động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là phát huy tinh

thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, trí sáng tạo của con người Việt Nam và thành tựu khoa học - công nghệ của nhân loại, mọi tiềm năng, lợi thế của các ngành, lĩnh vực, các địa phương.

- Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, phù hợp với tình hình thực tế của từng ngành, lĩnh vực và địa phương, lấy tăng trưởng theo chiều sâu là hướng chủ đạo. Chuyển dần từ tăng đầu tư và xuất khẩu sang tăng trưởng cả đầu tư, xuất khẩu và thị trường trong nước; chú trọng tăng năng suất, chất lượng lao động, ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Khai thác và phát huy tối đa nội lực kết hợp với thu hút và sử dụng hiệu quả ngoại lực.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn kết chặt chẽ với thực hiện ba đột phá chiến lược, cơ cấu lại kinh tế với trọng tâm ưu tiên là cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh hấp dẫn, thuận lợi cho khởi nghiệp và đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu và triển khai ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng dụng nhân tài. Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; đầu tư công; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; hệ thống các tổ chức tín dụng; ngân sách nhà nước; các đơn vị sự nghiệp công.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của tỉnh là nhiệm vụ cơ bản, trọng yếu, có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững. Các cấp ủy, chính quyền phải kiên trì, kiên quyết lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Toàn hệ thống chính trị và toàn dân, nhất là đội ngũ trí thức, các doanh nhân, doanh nghiệp cần chủ động, sáng tạo, tích cực tham gia và có nhiều đóng góp trong việc thực hiện nhiệm vụ này.

2- Một số mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm (GRDP) giai đoạn 2016 - 2020 đạt 7,5% trở lên.

- Thu ngân sách nhà nước tăng bình quân từ 9 - 10%/năm, bảo đảm an toàn nợ công.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân trên 10%/năm.

- Đến năm 2020 tăng gấp đôi số doanh nghiệp hiện có, đạt ít nhất 6.000 doanh nghiệp trên địa bàn.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%.

- Tỷ lệ hộ nghèo dưới 7,2%.

III- Nhiệm vụ, giải pháp

1- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành kinh tế

Tiếp tục ổn định và củng cố kinh tế phát triển bền vững; kiểm soát tốt lạm phát; bảo đảm các cân đối kinh tế; cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước. Xây dựng các quy hoạch, kế hoạch phải phù hợp với cơ chế thị trường làm cơ sở cho việc định hướng và phân bổ nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội bền vững,

hiệu quả. Nâng cao năng lực phân tích, dự báo và ứng phó kịp thời với những biến động của tình hình thế giới và trong nước.

2- Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội

- Thực hiện điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 và các quy hoạch ngành, lĩnh vực, bảo đảm phù hợp với thực tiễn của địa phương, tăng cường liên kết vùng, gắn với định hướng tái cơ cấu kinh tế của cả nước. Chú trọng lập mới quy hoạch các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có thế mạnh.

- Tiếp tục nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, bảo đảm quyền tự do kinh doanh, không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh; tập trung cải cách toàn diện theo hướng giảm bớt các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, các quy định quản lý chuyên ngành xuất khẩu và nhập khẩu, các quy định về thủ tục hành chính liên quan đến đất đai, đầu tư, xây dựng và môi trường. Tạo niềm tin để người dân, doanh nghiệp đầu tư vốn phát triển sản xuất kinh doanh.

- Nghiên cứu bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Phân loại dịch vụ công theo mức độ thiết yếu của từng loại dịch vụ, chuyển vai trò của Nhà nước từ cung ứng trực tiếp sang kiến tạo và hỗ trợ thị trường dịch vụ công phát triển.

- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quản lý nợ công, thuế, phí và lệ phí, kế toán, kiểm toán.

3- Tiếp tục phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

- Lập quy hoạch xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nhằm bảo đảm hiệu quả tổng hợp và tính hệ thống. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chung xây dựng của các huyện, thị xã. rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển hệ thống thủy lợi ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là hạn hán.

- Từng bước hình thành hệ thống các đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường, nhất là các dự án lớn, quan trọng, có tính lan tỏa. Ưu tiên nâng cấp các tuyến giao thông nội thị kết nối với các quốc lộ, tạo thành các hành lang kinh tế, các khu vực phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch, lưu thông thuận lợi với bên ngoài; đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông tại vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng.

- Đa dạng các hình thức kêu gọi đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng, ưu tiên cho các công trình trọng điểm, cấp thiết, các công trình phát huy ngay lợi thế ở vùng động lực.

4- Về phát triển nguồn nhân lực

- Tích cực triển khai hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn

diện giáo dục và đào tạo. Tập trung phát triển giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức thực hiện tốt Luật Giáo dục nghề nghiệp. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và hiệu quả hoạt động của các trường dạy nghề. Chú trọng đào tạo ngoại ngữ, kỹ năng mềm. Nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác đào tạo. Nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tăng cường đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp.

- Sắp xếp, sáp nhập trung tâm dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp công lập cấp huyện thành Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo Thông tư số 39/2015/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BNV, ngày 19 tháng 10 năm 2015 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức đào tạo nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp; nâng cao chất lượng đào tạo một số nghề tiếp cận trình độ các nước phát triển trong ASEAN.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động giảng dạy nghiên cứu, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao chất lượng đào tạo.

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo và dạy nghề. Nâng cao hiệu quả đầu tư cho giáo dục. Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng các cơ sở đại học trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đạt chuẩn theo ngạch và chức danh. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức cấp xã.

5- Về phát triển và chuyển giao khoa học - công nghệ

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào ứng dụng công nghệ sinh học và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đầu tư nghiên cứu cải tiến, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa, phát triển tài sản trí tuệ để nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hoạt động khoa học - công nghệ. Đổi mới cơ chế quản lý, nhất là cơ chế tự chủ về tài chính, tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học, công nghệ công lập.

- Hình thành và phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ khoa học - công nghệ. Hỗ trợ nâng cao năng lực cho Trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ của tỉnh.

- Đổi mới phương thức xây dựng nhiệm vụ khoa học - công nghệ bảo đảm tính thực tiễn, khoa học. Đẩy mạnh triển khai, ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội. Ưu tiên cơ cấu chi ngân sách cho hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng khoa học - công nghệ và thực hiện đổi mới, sáng tạo, thúc đẩy ứng dụng khoa học - công nghệ vào các ngành, lĩnh vực; trong

đó tập trung ưu tiên phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh và ứng phó với biến đổi khí hậu.

6- Về cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý. Hoàn thành việc cổ phần hóa các công ty nông nghiệp; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của 11 công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp, gắn hoạt động công ích về quản lý bảo vệ rừng với việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp nước Gia Lai và Công ty cổ phần Công trình đô thị Gia Lai. Thu hút nhà đầu tư chiến lược có năng lực, giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước xuống mức đủ để thay đổi quản trị doanh nghiệp một cách thực chất.

- Kiên quyết xử lý các doanh nghiệp nhà nước thua lỗ, các dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước không hiệu quả hoặc hiệu quả thấp theo nguyên tắc và cơ chế thị trường; xem xét, thực hiện biện pháp sáp nhập, giải thể, phá sản doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật.

7- Về cơ cấu lại thị trường tài chính, trọng tâm là các tổ chức tín dụng

- Thực hiện chính sách tiền tệ theo chỉ đạo, điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Quản lý tốt thị trường ngoại tệ, vàng; quản lý nợ xấu. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của chi nhánh ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân nhằm đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả.

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai có hiệu quả các chính sách tín dụng của hệ thống ngân hàng. Điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến kinh tế, lạm phát của tỉnh; tăng trưởng tín dụng phù hợp với nâng cao chất lượng tín dụng. Tiếp tục củng cố và mở rộng mạng lưới ngân hàng trên địa bàn tỉnh.

- Điều hành dự toán thu, chi ngân sách và tài sản công chặt chẽ, tiết kiệm, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý chi tiêu ngân sách ở tất cả các ngành, các cấp; kiên quyết chống thất thu, chuyển giá; giảm nợ đọng thuế.

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước trung hạn 5 năm 2016 - 2020. Khai thác hiệu quả nguồn thu, chủ động giữ vững cân đối ngân sách nhà nước. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng hiệu quả, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, bố trí hợp lý cho chi đầu tư phát triển. Tăng cường hiệu quả, đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển. Triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, nhất là hội họp, sử dụng xe công, đi công tác nước ngoài.

- Thực hiện nguyên tắc quản lý giá theo cơ chế thị trường. Rà soát lại các khoản phí, lệ phí chuyển sang thu theo cơ chế giá dịch vụ theo đúng quy định tại Luật phí và lệ phí.

8- Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển. Sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư công gắn với thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

- Rà soát hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá xây dựng, suất đầu tư của các ngành kinh tế. Thực hiện cơ cấu lại đầu tư công gắn với cơ cấu lại tài chính, ngân sách nhà nước và nợ công; thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn gắn với kế hoạch tài chính trung hạn, kế hoạch vay, trả nợ công. Chống đầu tư phân tán, dàn trải; xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản, bố trí trả các khoản vốn ứng trước ngân sách nhà nước đúng quy định.

- Tập trung rà soát, nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước. Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát đối với đầu tư công. Tăng cường công tác quản lý, kiểm toán, kiểm tra, thanh tra, đánh giá hiệu quả đầu tư dự án, đặc biệt là đầu tư công. Xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm, gây thất thoát, lãng phí nguồn vốn của Nhà nước. Xác định rõ trách nhiệm trực tiếp của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đối với hiệu quả kinh tế của các dự án đầu tư.

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách, cơ chế về quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; tăng cường quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay. Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư phát triển, nhất là xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn và dịch vụ giáo dục, y tế.

9- Đổi mới, cơ cấu lại khu vực sự nghiệp công lập

- Thực hiện giao quyền tự chủ đầy đủ về tài chính, tổ chức, biên chế và hoạt động cho các đơn vị cung cấp các loại dịch vụ được ngân sách nhà nước chi trả toàn phần hoặc một phần, giá các dịch vụ có sự điều tiết của Nhà nước. Đối với các đơn vị sự nghiệp, các loại dịch vụ công khác, thực hiện đầy đủ tự do kinh doanh, cung ứng dịch vụ công, tự chủ và quyết định giá theo quy luật thị trường.

- Bảo đảm quyền bình đẳng giữa các đơn vị sự nghiệp công lập. Khuyến khích doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia phát triển, cung cấp dịch vụ công; phát triển thị trường dịch vụ công có sự quản lý, điều tiết phù hợp của Nhà nước.

- Đánh giá đúng thực trạng khu vực sự nghiệp công lập, trên cơ sở đó xây dựng phương án sáp nhập để tinh giản đầu mối, cắt giảm biên chế; giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động kém hiệu quả.

- Thực hiện hạch toán như doanh nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện, cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện, trừ các bệnh viện, trường học; giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động kém hiệu quả; không để cổ phần hóa thành tư nhân hóa và xã hội hóa thành thương mại hóa dịch vụ công.

10- Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

- Tổ chức thực hiện tốt các giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn sản xuất nông nghiệp

với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị; tăng nhanh quy mô gắn với chất lượng các sản phẩm chủ lực trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế của vùng, địa phương phù hợp với nhu cầu thị trường, bảo đảm an toàn thực phẩm. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế so sánh, thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Triển khai xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh. Chuyển giao và ứng dụng khoa học - công nghệ vào trồng trọt, tạo đột phá trong tái cơ cấu ngành nhất là khâu giống chất lượng cao; công nghệ chế biến, bảo quản, giảm tổn thất sau thu hoạch. Khuyến khích mạnh mẽ sự tham gia của các doanh nghiệp vào nghiên cứu, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ, thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tăng tỷ trọng chế biến sâu đối với nông, lâm, thủy sản. Nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho người dân nông thôn, đến năm 2020 thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 40 triệu đồng/người/năm theo Quyết định số 58/QĐ-UBND, ngày 03 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định nội dung thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới áp dụng trên địa bàn tỉnh. Xây dựng được một số thương hiệu nông sản chủ lực chế biến từ hồ tiêu, cà phê, cao su...

- Đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết chặt chẽ theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ giữa nông dân, các tổ chức hợp tác với doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò nòng cốt. Tổ chức thực hiện chính sách khuyến khích phát triển mô hình hợp tác sản xuất giữa hộ nông dân, hợp tác xã - các doanh nghiệp - các tổ chức khoa học - các cơ quan quản lý nhà nước.

- Tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, tăng cường năng lực phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai; sử dụng hiệu quả tài nguyên nước phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án trên địa bàn với nguồn vốn thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới để đầu tư, xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là hạ tầng phục vụ thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp.

11- Cơ cấu lại ngành công nghiệp

- Phát triển công nghiệp nhóm, chuỗi sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến và công nghiệp năng lượng (thủy điện, điện gió, điện mặt trời), đảm bảo khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm. Đột phá để thu hút đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm từ nguồn nguyên liệu có thế mạnh của tỉnh. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư các cơ sở chế biến quy mô lớn, có thiết bị, công nghệ tiên tiến. Tập trung xây dựng thương hiệu các ngành nghề chủ lực của tỉnh nhằm nâng cao giá trị và mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư dây chuyền công nghệ hiện đại để sản xuất sản phẩm công nghiệp theo hướng chế biến sâu; xây dựng thương

hiệu một số sản phẩm chủ lực nhằm nâng cao giá trị hàng hóa. Tổ chức có hiệu quả công tác xúc tiến thương mại.

- Phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp; huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Phát triển cụm công nghiệp với quy mô hợp lý và có lộ trình đầu tư, đảm bảo phát triển một cách hiệu quả, bền vững.

12- Thực hiện cơ cấu lại và phát triển nhanh các ngành dịch vụ, duy trì tốc độ tăng trưởng các ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng GRDP

- Chú trọng phát triển một số ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, có tiềm năng, như: Du lịch, công nghệ thông tin, viễn thông, tài chính, ngân hàng... Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, từng bước nâng cao kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế được sản xuất trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục phát triển thương mại tại Khu cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh. Tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại giữa Gia Lai với các tỉnh vùng biên giới tiếp giáp của Campuchia.

- Phát triển nhanh hạ tầng thương mại, mạng lưới bán buôn, bán lẻ từ thành thị đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Tăng cường công tác quản lý thị trường, ngăn chặn các hoạt động kinh doanh trái phép, sản xuất buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, bình ổn giá cả thị trường. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, thực hiện tốt cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”.

- Triển khai Nghị quyết số 92/NQ-CP, ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về *một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới*. Phát triển mạnh mẽ các loại hình du lịch; tăng cường xúc tiến, quảng bá du lịch, hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương, như: Du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, du lịch lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng; tập trung ưu tiên vào các sản phẩm mới, thu hút đầu tư vào các dự án trọng điểm du lịch để hình thành chuỗi sản phẩm của điểm đến Gia Lai. Xây dựng phương án đưa tỉnh Gia Lai thành địa bàn trọng điểm phát triển du lịch quốc gia để trình Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch bổ sung vào Quy hoạch tổng thể du lịch quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

13- Phát triển khu vực kinh tế tư nhân

- Thực hiện nhất quán chủ trương Nhà nước kiến tạo, lầy doanh nghiệp, người dân là đối tượng phục vụ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân đầu tư, kinh doanh, phát triển để xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện những quy định của pháp luật liên quan đến doanh nghiệp.

- Thực hiện chủ trương “*3 đồng hành, 5 hỗ trợ*” đối với doanh nghiệp phù hợp với nguồn lực của tỉnh. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho kinh tế hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể; phát triển doanh nghiệp tư nhân trở thành một động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Triển khai thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; khuyến khích hình thành doanh nghiệp lớn, thương hiệu mạnh; triển khai có hiệu quả các mô hình vườn ươm doanh nghiệp, câu lạc bộ

doanh nghiệp khởi nghiệp. Tổ chức đối thoại công khai định kỳ với cộng đồng doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

- Căn cứ các kế hoạch, chương trình hành động của tỉnh về những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp theo Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP, ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về *những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020* để quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ yêu cầu.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động đối với kinh tế tập thể. Tạo điều kiện thành lập, hỗ trợ hợp tác xã đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh; chú trọng xây dựng các mô hình hợp tác xã kiểu mới theo hướng liên kết và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Tăng cường các biện pháp để thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa liên thông ở các địa phương. Xây dựng Cổng giao tiếp dịch vụ công, phần mềm đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, người dân đối với thái độ phục vụ, kết quả xử lý công việc của cán bộ và cơ quan nhà nước.

14- Thực hiện liên kết, phối hợp trong phát triển kinh tế vùng

- Hoàn thiện, nâng cao chất lượng, hiệu lực thực thi các quy hoạch phát triển kinh tế của tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố. Chú trọng liên kết nội vùng, gắn kết không gian liên kết kinh tế khu của tỉnh với các tỉnh trong vùng.

- Nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh phù hợp quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên và các tỉnh lân cận. Phối hợp các tỉnh trong vùng xây dựng các đề án, thỏa thuận phối hợp, liên kết phát triển kinh tế - xã hội; phối hợp ban hành và thực hiện chính sách thu hút đầu tư, xúc tiến đầu tư, ưu tiên các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh.

- Thực hiện có hiệu quả quá trình đô thị hóa, kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị.

15- Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, Nhà nước về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội; quốc phòng, an ninh phải tạo thuận lợi và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội. Các dự án phát triển kinh tế - xã hội trong các khu vực phòng thủ, tuyến biên giới và vị trí chiến lược phải bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, vận động quần chúng nhân dân phối hợp trong công tác nắm tình hình, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của địch và các loại đối tượng; quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, giữ vững an ninh

chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn khu vực biên giới và Khu cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh. Thực hiện tốt Chỉ thị số 01/CT-TTg, ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ biên giới quốc gia trong tình hình mới. Chủ động thực hiện nhiệm vụ phòng, chống lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn, phòng, chống cháy nổ, cháy rừng.

16- Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy phù hợp với yêu cầu đổi mới kinh tế, hội nhập theo hướng xây dựng nhà nước quản lý và phục vụ; nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy về quản lý kinh tế; chỉ đạo, tổ chức thực hiện kịp thời các chủ trương, chính sách lớn về tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng của Trung ương và địa phương. Tăng cường khả năng điều tiết, giám sát, kiểm tra, thanh tra theo mức độ rủi ro và tuân thủ pháp luật của đối tượng quản lý; xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện điện tử hóa nghiệp vụ quản lý nhà nước và xã hội hóa việc xây dựng các dữ liệu thông tin quản lý nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế gắn với cải cách tiền lương; xây dựng tổ chức bộ máy đồng bộ, tinh gọn, có tính ổn định, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, đảm bảo lộ trình trong 7 năm (2015 - 2021) tỷ lệ tinh giản biên chế của tỉnh đạt tối thiểu 10% biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

- Đổi mới quy trình, phương thức tổ chức tuyển dụng, sử dụng, trả lương, đánh giá, đề bạt cán bộ; thực hiện bổ nhiệm, đề bạt cán bộ chủ yếu dựa trên thành tích, kết quả công việc; tăng cường trách nhiệm giải trình của người đứng đầu đối với cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đơn vị.

- Tăng cường năng lực các cơ quan chức năng quản lý, giám sát thị trường. Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, liêm chính, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương của các cơ quan nhà nước và người đứng đầu.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là các lĩnh vực liên quan đến doanh nghiệp, đầu tư, đất đai, thuế, hải quan; giảm tối đa chi phí, thời gian gia nhập thị trường cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; đảm bảo điều kiện triển khai 100% dịch vụ công trực tuyến mức 3 và 4 giai đoạn 2016 - 2020.

- Tăng cường sự tham gia phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức thành viên, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong việc thực hiện, kiểm tra, giám sát các chương trình, đề án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn

2016 - 2020; phối hợp công tác trong quản lý nhà nước, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối của đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

IV- Tổ chức thực hiện

1- Các cấp ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn tập trung chỉ đạo và tổ chức quán triệt, nghiên cứu, triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TW và Chương trình hành động này. Tăng cường công tác tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, chủ động xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TW trên cơ sở rà soát, bổ sung những nội dung mới, quan trọng trong các văn kiện của Đảng vào chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của đảng bộ cấp mình cho phù hợp, đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao.

2- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh cụ thể hóa bằng nghị quyết của Hội đồng nhân dân và tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên.

3- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy xây dựng, thực hiện các chương trình có liên quan đến công tác xây dựng Đảng.

5- Các cấp ủy, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện.

6- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Báo Gia Lai, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các cơ quan thông tin, báo chí tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TW.

7- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết 05-NQ/TW và giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ sơ kết, tổng kết và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng + T26,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng; các đảng bộ trực thuộc,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

(đã ký)

Hồ Văn Niên